

Bản án số: **443/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Lâm Bình**.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Yên**.

Ông Nguyễn Hữu Độ.

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Đăng Hùng** – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thanh Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị A**, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã N, huyện L, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số 24, ngõ 62, X, phường Y, quận Z, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn M, xã N, huyện L, Thành phố Hà Nội.

Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Trương Thị A trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B ngày 03/11/2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn M, xã N, huyện L, Thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận đến khoảng năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau trong nhiều vấn đề dẫn đến vợ chồng hay xích mích, bất hoà, thỉnh thoảng có xô xát. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 12/12/2021 cho đến nay, chị chuyển ra ngoài thuê nhà ở, hai bên không có trách nhiệm với nhau. Gia đình đã động viên, hoà giải cho hai vợ chồng nhưng không

có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên chị xin được ly hôn với anh B.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 10/8/2007, cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 06/3/2011 và cháu Nguyễn Tuệ E, sinh ngày 18/9/2017. Hiện nay cả 03 cháu Dg ở với anh B. Ly hôn, chị xin nuôi cháu E, để anh B nuôi cháu C, cháu D và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay, chị đang làm việc tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Tân Tín Phát, thu nhập khoảng gần 9.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, chị còn làm thêm bán hàng online, thu nhập thêm khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Về chỗ ở: Chị thuê nhà có hợp đồng thuê nhà và ổn định, lâu dài, diện tích đủ rộng tại số 24, ngõ 62 X, phường Y, quận Z, Thành phố Hà Nội nên hoàn toàn có khả năng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Chị xác định không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh nhất trí như chị Trương Thị A khai về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa của vợ chồng. Nay chị A xin ly hôn thì anh đồng ý và không níu kéo.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 10/8/2007, cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 06/3/2011 và cháu Nguyễn Tuệ E, sinh ngày 18/9/2017. Từ khi vợ chồng ly thân, cả 03 con đều ở với anh, chị A chưa lần nào về thăm con, giữa chị A và các con chỉ liên hệ qua điện thoại. Ly hôn, anh xin nuôi cả 03 con và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do chị A không đủ tư cách, đạo đức để nuôi con. Đồng thời đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của các con.

Hiện nay, anh đang là công nhân cơ khí làm sắt, thép, thêm chở hàng bên khu Đa Hội, Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Thu nhập khoảng 12.000.000-13.000.000 đồng/tháng. Về chỗ ở: Anh và các con đang ở cùng với bố mẹ anh tại thôn M, xã N, huyện L, Thành phố Hà Nội. Điều kiện ăn ở rộng rãi, thoải mái nên hoàn toàn có khả năng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Anh xác định không yêu cầu Toà án giải quyết sau khi nhiều lần đã được Toà án giải thích pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ đối với vấn đề tài sản.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn chị Trương Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh B nhiều lần có hành vi bạo hành đối với chị.

+ Về con chung: Chị xin nuôi cháu Nguyễn Tuệ E, sinh ngày 18/9/2017, để anh B nuôi cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 10/8/2007, cháu Nguyễn Hoàng D,

sinh ngày 06/3/2011 và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn B xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn. Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn chính là do chị A ngoại tình và bị gia đình anh bắt quả tang.

+ Về con chung: Anh xin nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị A đối với anh Nguyễn Văn B.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuệ E, sinh ngày 18/9/2017 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 10/8/2007, cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 06/3/2011 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A, anh B cho đến khi từng con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn B hiện đang cư trú trên địa bàn huyện Đông Anh. Do vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị A và anh Nguyễn Văn B: Anh chị tự nguyện kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, Thành phố Hà Nội ngày 03/11/2006 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị A: Về quá trình chung sống và mâu thuẫn: Các đương sự trình bày: Sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới, vợ chồng chị A, anh B về chung sống cùng gia đình anh B tại thôn M, xã N, huyện L, Thành phố Hà Nội. Đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không có sự tin tưởng lẫn nhau nên hay xảy ra cãi nhau, thỉnh thoảng có xô xát, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, hai bên hầu như không có trách nhiệm gì với nhau và ly thân từ ngày 12/12/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần các đương sự đến Tòa án làm việc và tổ chức được phiên hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, các đương sự, đặc biệt bên phía anh B không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng, tại phiên hòa giải, hai bên đều thống nhất vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí việc ly hôn.

Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ quan điểm xin ly hôn, anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn và hoàn toàn tự nguyện. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trương Thị A và anh Nguyễn Văn B theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình để các bên ổn định cuộc sống riêng.

[4] Về con chung: Chị A, anh B có 03 con chung là cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 10/8/2007, cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 06/3/2011 và cháu Nguyễn Tuệ E, sinh ngày 18/9/2017. Hiện nay, cả 03 con đang ở với anh B tại thôn M, xã N, huyện L, Thành phố Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị A xin nuôi cháu Nguyễn Tuệ E, để anh B nuôi cháu Nguyễn Thùy C và cháu Nguyễn Hoàng D; Anh B xin nuôi cả 03 con và hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

* Xét yêu cầu nuôi con của các đương sự: Xác minh tại chính quyền địa phương và tài liệu do các đương sự cung cấp thể hiện:

+ Về chỗ ở: Anh Nguyễn Văn B đang cư trú ổn định tại thôn M, xã N, huyện L, Thành phố Hà Nội. Chị Trương Thị A đang thuê nhà có hợp đồng ổn định tại số 24, ngõ 62 X, phường Y, quận Z, Thành phố Hà Nội.

+ Về công việc và thu nhập: Anh B đang là công nhân cơ khí (Sắt, thép) cho một doanh nghiệp tư nhân tại khu Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Thu nhập khoảng 12.000.000 đồng - 13.000.000 đồng/tháng.

Chị A đang làm việc tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Tân Tín Phát, thu nhập khoảng gần 9.000.000 đồng/tháng.

+ Về nguyện vọng của các con: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu anh B là người đang chăm sóc cả 03 con của anh chị đưa các con lên Tòa án để ghi lời khai, tuy nhiên anh B không thực hiện mặc dù anh là người đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của các con. Đến ngày 30/6/2022, cháu Nguyễn Thùy C mới có văn bản thể hiện nguyện vọng của cháu muốn ở với anh

B.Cháu Nguyễn Hoàng D và cháu Nguyễn Tuệ E chưa lấy được lời khai, tuy nhiên, cháu E chưa đủ 07 tuổi, 02 cháu đều sống phụ thuộc và Tòa án không lấy lời khai nếu có thể gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của trẻ em trong trường hợp này.

Như vậy, anh B, chị A đều có thu nhập và chỗ ở ổn định, không ai bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên nên đều có khả năng nuôi con. Việc anh B trình bày chị A không đủ đạo đức và tư cách nuôi con là không có căn cứ chứng minh. Yêu cầu nuôi con của anh chị đều là chính đáng. Xét công việc và mức thu nhập của anh B hiện nay cao hơn chị A, tuy nhiên nếu nuôi 03 con không thể đảm bảo được việc phát triển toàn diện nhất cho các con. Cháu C có nguyện vọng muốn ở với bố, cháu D là con trai, xem xét đến phong tục tập quán và vùng miền thì giao cháu C, cháu D cho anh B nuôi là hợp lý. Với mức thu nhập của chị A thì chỉ có thể đảm bảo nuôi được 01 con. Xét cháu E ở độ tuổi nhỏ nhất, lại là con gái, tâm sinh lý cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn nên giao cháu E cho chị A nuôi là hợp lý.

Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ em theo Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu C, cháu D cho anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu E cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A, anh B đến khi các con chung, con nuôi thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tiễn, đạo đức xã hội và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị A, anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Trương Thị A** và anh **Nguyễn Văn B**.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 90, đăng ký ngày 03/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, Thành phố Hà Nội cấp cho chị Trương Thị A và anh Nguyễn Văn B không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Chị A, anh B có 03 con chung là cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 10/8/2007, cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 06/3/2011 và cháu Nguyễn Tuệ E, sinh ngày 18/9/2017.

Ly hôn, giao cháu Nguyễn Tuệ E cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Thùy C và cháu Nguyễn Hoàng D cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A, anh B đến khi từng con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Chị A, anh B đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trương Thị A phải chịu 300.000(Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000(Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số **46022** ngày 22/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận chị A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự; -
- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Lâm Bình